CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

FireAnt

CTCP Đá Núi Nhỏ

Ngày 31/12/2024	23,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.6%	**6.6%**	**26.1%**

DT thuần
Q4/24
96.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.3| 43.9%
YoY: ▲ 41.3| 75.4%

LN thuần
Q4/24
26.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.30| 31.2%
YoY: ▲ 12.4| 88.0%

LN sau thuế
Q4/24
21.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.20| 31.9%
YoY: ▲ 10.6| 97.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
28.1%
YoY: +/-▲ 2.3%

ROE
2024
15.9%
YoY: +/-▲ 5.5%

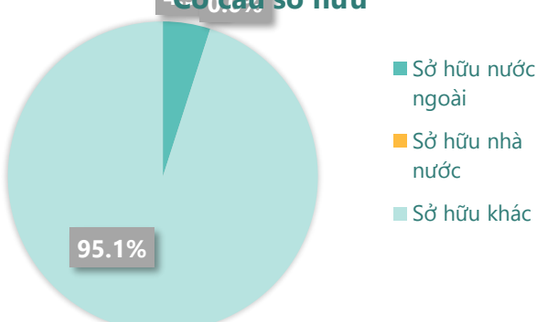
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,435 - 23,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	515
Số lượng CPLH (CP)	21,920,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,645
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	0.40
EPS	2,890
P/E	8.1

DT thuần
2024
280
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 104| 59.2%

LN thuần
2024
79.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.7| 77.2%

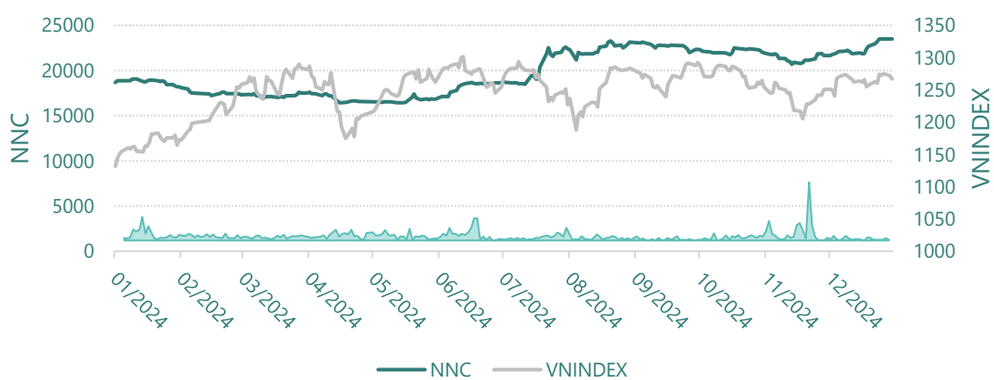
LN sau thuế
2024
63.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0| 69.9%

Cơ cấu sở hữu

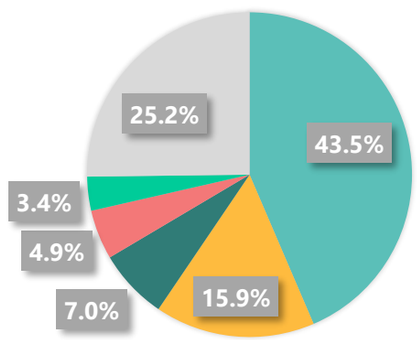


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

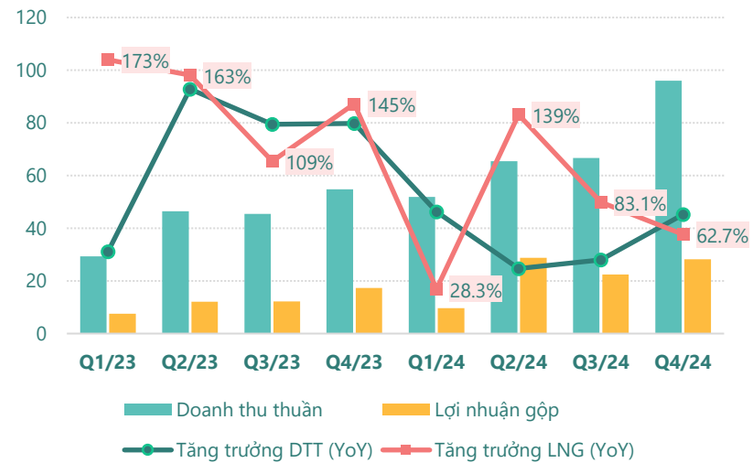


- CTCP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
- CTCP Đầu tư Thái Bình
- Nguyễn Thị Mai Phương
- America LLC
- Lâm Thị Mai (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

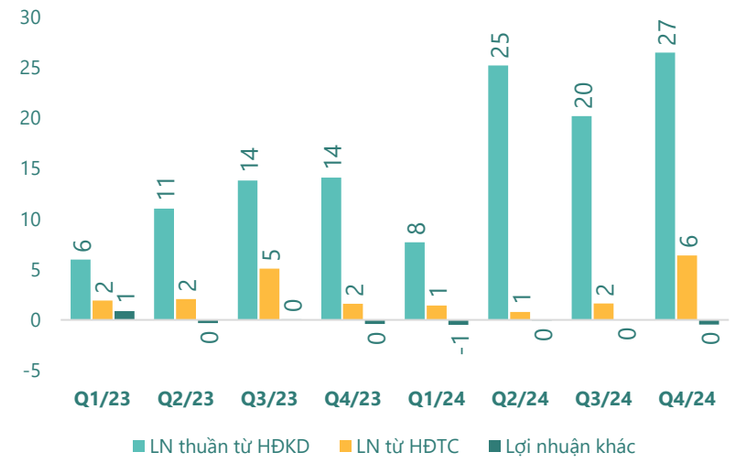
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



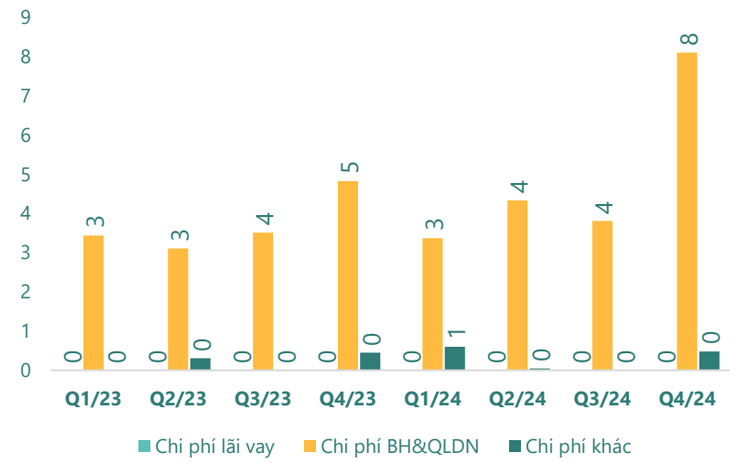
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



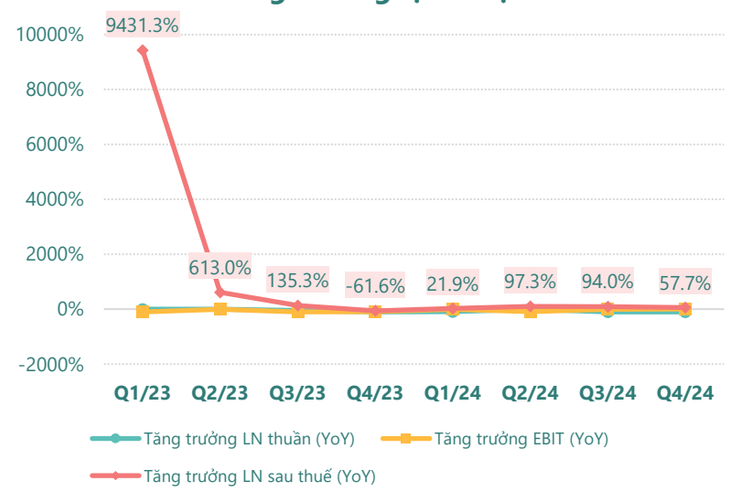
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



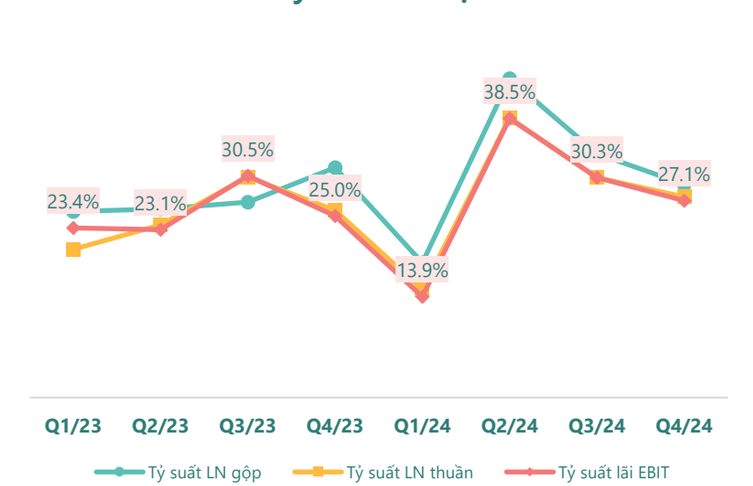
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



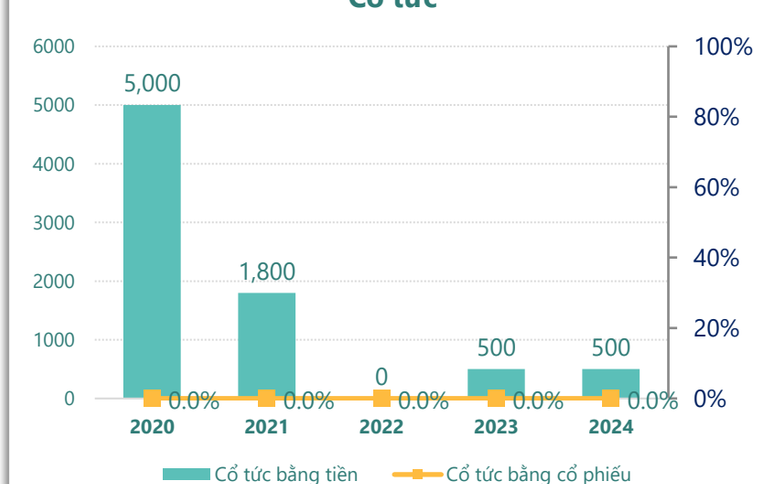
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

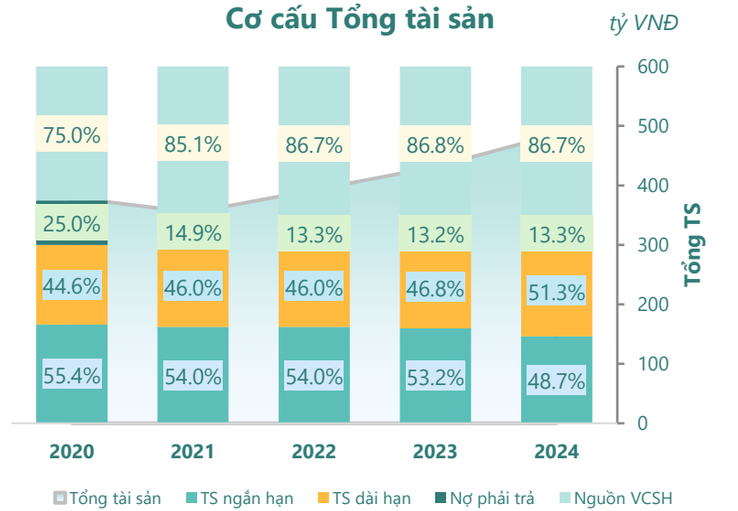
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

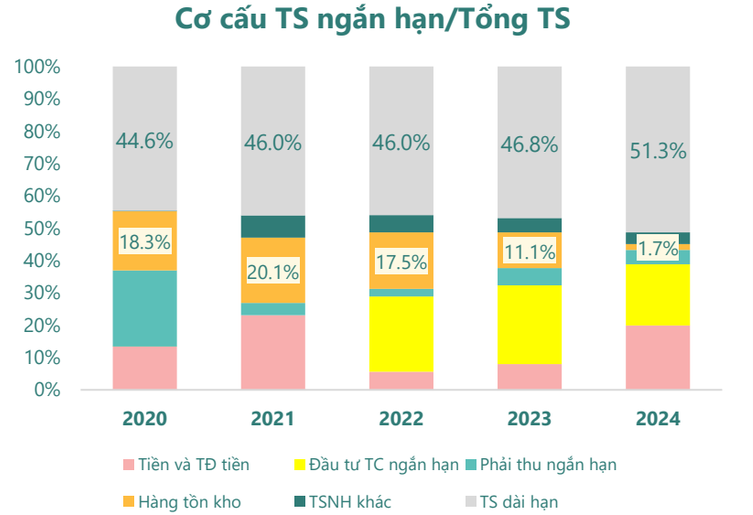
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



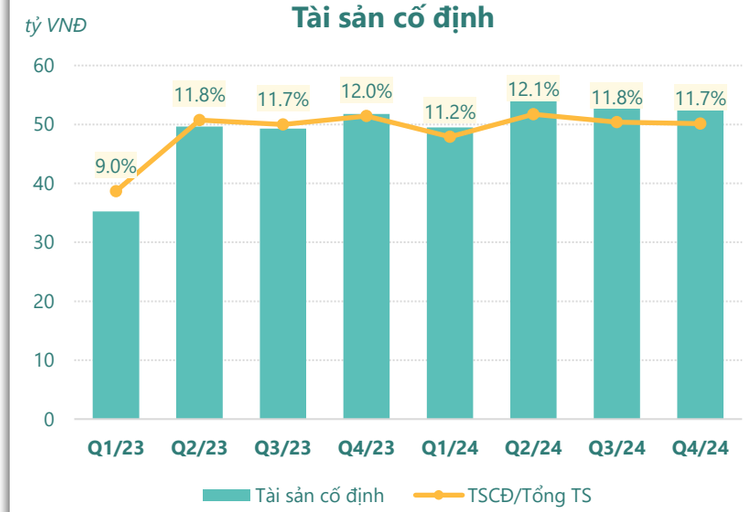
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



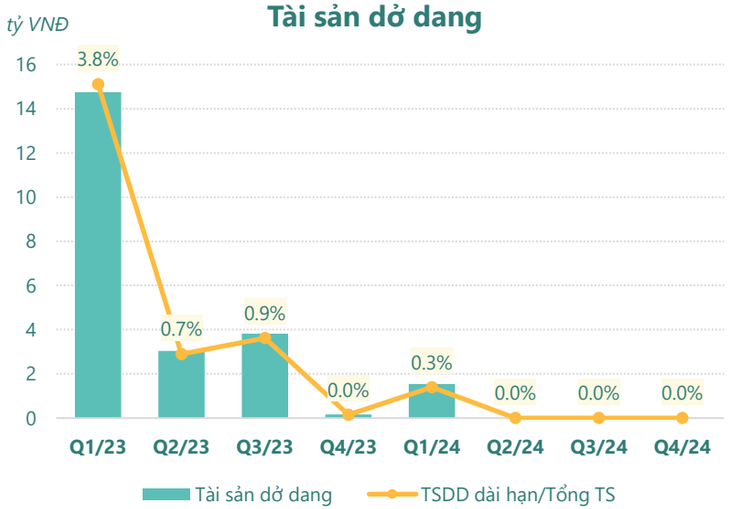
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



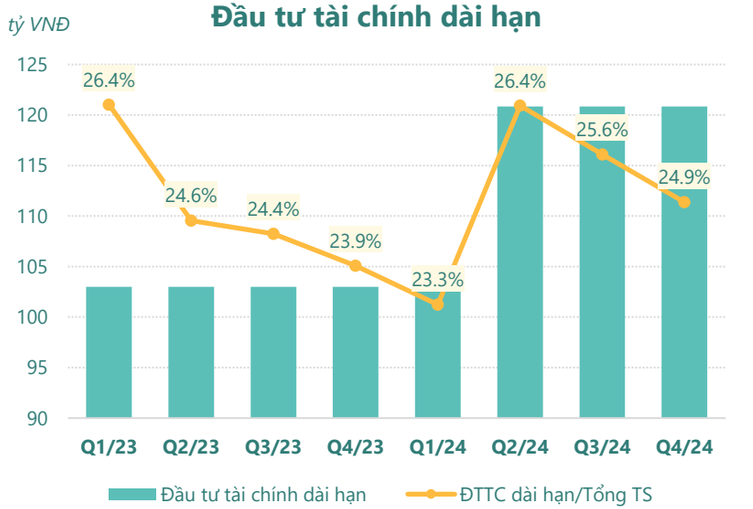
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



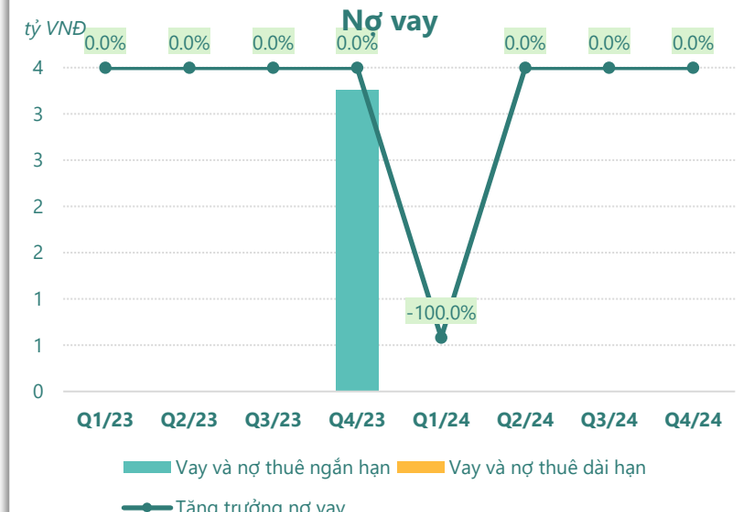
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

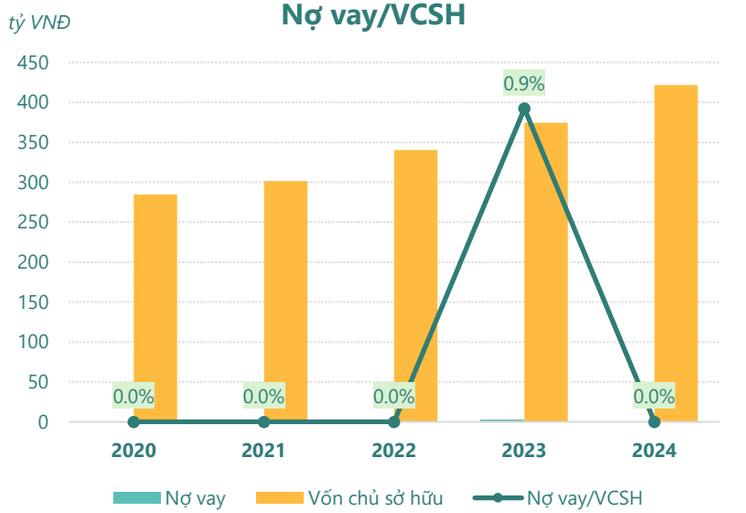
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

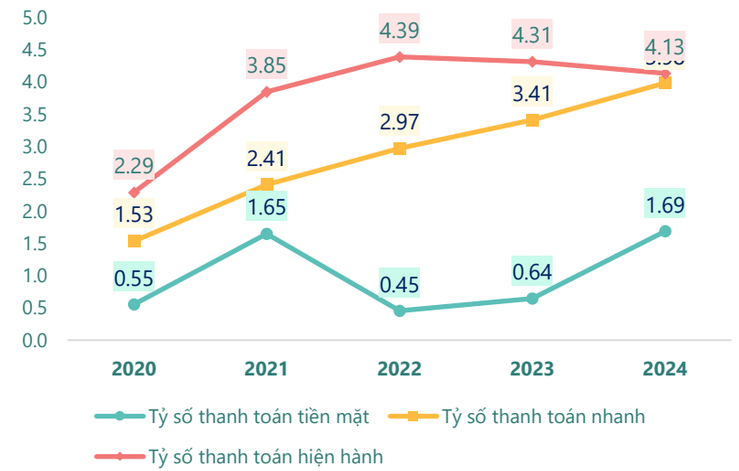
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



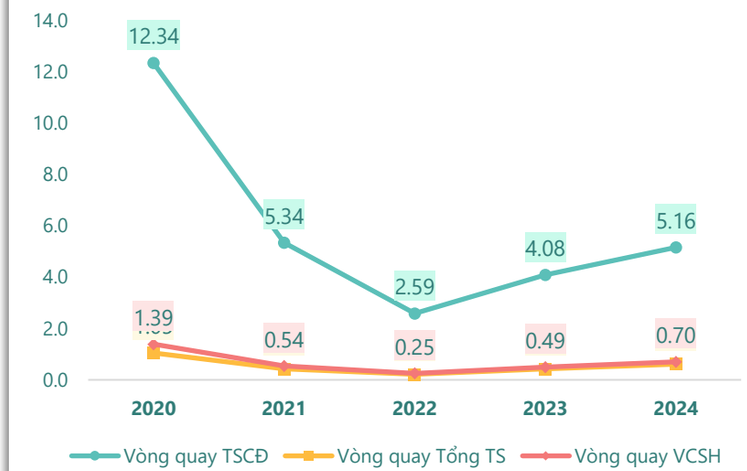
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



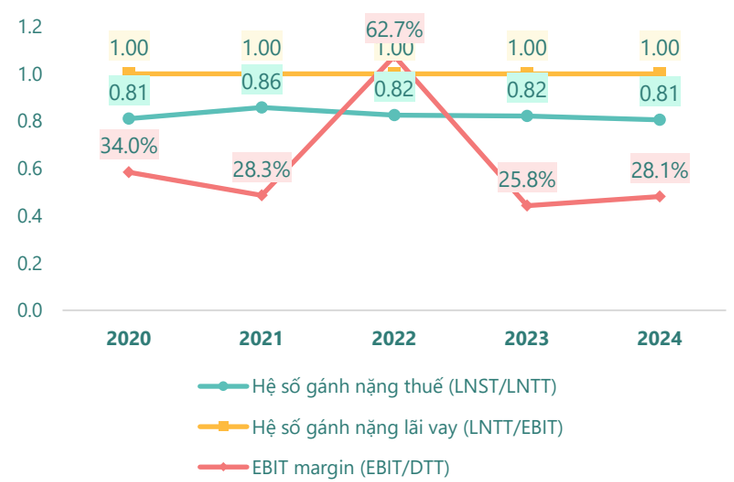
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



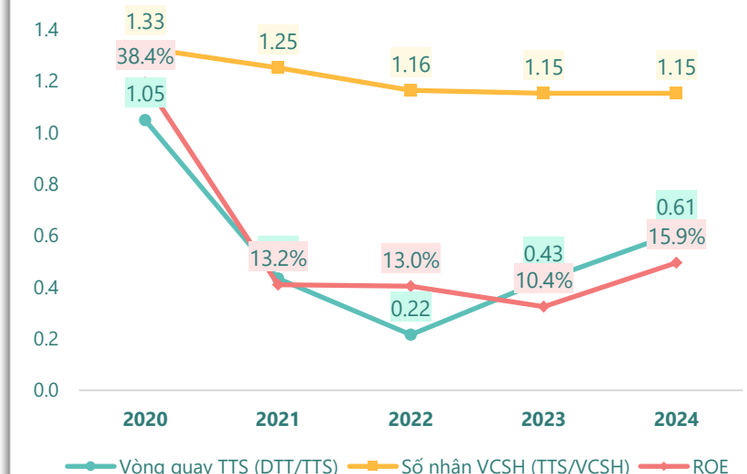
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



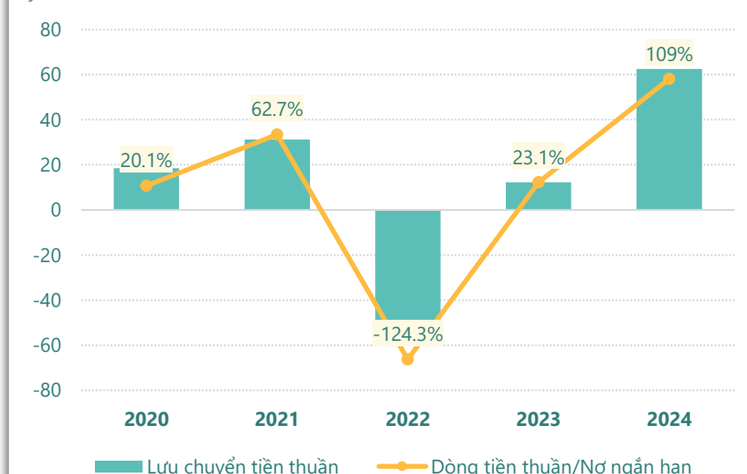
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**96.0**	**54.7**	**75.4%**	**280**	**176**	**59.2%**
Giá vốn hàng bán	67.8	37.4	81.2%	191	127	50.7%
Lợi nhuận gộp	28.2	17.3	63.1%	89.1	49.2	81.1%
Doanh thu HĐTC	6.40	1.61	298%	10.9	10.7	1.6%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.62	0.00	28589%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0.00	174%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.90	1.18	60.8%	5.95	5.16	15.2%
Chi phí QLDN	**6.20**	**3.64**	**70.5%**	**13.7**	**9.72**	**40.6%**
LN thuần từ HĐKD	26.5	14.1	88.0%	79.7	45.0	77.2%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**-0.42**	**-13.6%**	**-1.03**	**0.42**	**-342%**
LN trước thuế	26.0	13.7	90.0%	78.6	45.4	73.3%
Lợi nhuận sau thuế	**21.4**	**10.8**	**97.8%**	**63.3**	**37.3**	**69.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.4**	**10.8**	**97.8%**	**63.3**	**37.3**	**69.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.5	10.0	13.7	29.1	14.4	40.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.59	-14.6	-5.40	-20.2	4.86	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.9	3.26	-3.26	0	-10.7	0
Tiền đầu kỳ	35.5	35.5	34.2	39.3	48.2	56.8
Lưu chuyển tiền thuần	**0.01**	**-1.29**	**5.08**	**8.88**	**8.60**	**39.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	35.5	34.2	39.3	48.2	56.8	96.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**486**	**431**	**12.7%**
Tài sản ngắn hạn	237	229	3.3%
Tiền và tương đương tiền	96.7	34.2	183%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.3	105	-12.1%
Phải thu ngắn hạn	21.6	23.1	-6.2%
Hàng tồn kho	8.43	47.9	-82.4%
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	19.2	-6.9%
Tài sản dài hạn	**249**	**202**	**23.4%**
Phải thu dài hạn	3.99	3.73	7.1%
Tài sản cố định	56.9	51.8	9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.17	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	121	103	17.3%
Tài sản dài hạn khác	**67.7**	**43.4**	**55.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	64.6	57.1	13.2%
Nợ ngắn hạn	**57.3**	**53.2**	**7.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.26	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.77	0.76	133%
Nợ dài hạn	7.25	3.90	85.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**422**	**374**	**12.6%**
Vốn chủ sở hữu	**422**	**374**	**12.6%**
Vốn điều lệ	219	219	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)